TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/DS-ST
Ngày: 14 - 3 - 2025
V/v tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phong

2. Ông Võ Văn Hiện

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 369/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22a/QĐST – DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái B, sinh năm 1977; địa chỉ: số 176/1 ấp A, xã N, huyện T, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thái B: Bà Hồ Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Út E, sinh năm 1971 và bà Lâm Thị Bích P, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: 35/1 ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh B (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thái B – bà Hồ Thị D trình bày:

Từ 23/09/2022 đến tháng 29/09/2023 ông B có hợp đồng bán thuốc, hóa chất xử lý và thức ăn nuôi tôm thẻ gồm 03 ao cho ông Phạm Văn Út E và bà Lâm Thị Bích P, thỏa thuận khi kết thúc vụ nuôi tôm phải có nghĩa vụ thanh toán tiền. Qua

đối chiếu và xác định số tiền mà ông E và bà P chưa thanh toán như sau:

- Ao 1 từ 05/01/2023 đến 29/09/2023 là 533.675.000 đồng.

- Ao 2 từ 23/09/2022 đến 18/08/2023 là 468.832.000 đồng.

- Ao 3 từ 23/02/2023 đến 19/09/2023 là 334.555.000 đồng.

Tổng cộng công nợ cả 03 ao là 1.337.062.000 đồng đã được ông Út E đối chiếu và kí xác nhận công nợ vào ngày 10/6/2024. Từ đó cho đến nay mặc dù vụ nuôi tôm kết thúc đã lâu và ông B có nhiều lần yêu cầu ông E và bà P trả tiền nhưng ông bà không thực hiện. Ông E và bà P là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn, nuôi tôm nhằm mục đích phát triển kinh tế chung của hai vợ chồng. Xét việc không thực hiện trả nợ của ông E và bà P làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B nên nay ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông E và bà P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B số tiền đã mua thuốc, hóa chất xử lý và thức ăn nuôi tôm còn nợ là 1.337.062.000 đồng.

Bị đơn ông Phạm Văn Út E và bà Lâm Thị Bích P vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thái B yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn Út E và bà Lâm Thị Bích P trả tiền mua thuốc, hóa chất xử lý, thức ăn nuôi tôm (gọi tắt là thức ăn nuôi tôm) nên xác định đây là "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Phạm Văn Út E và bà Lâm Thị Bích P có nơi cư trú tại xã A, huyện T, tỉnh B nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hồ Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Văn Út E và bà Lâm Thị Bích P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn ông Nguyễn Thái B yêu cầu bị

đơn ông Phạm Văn Út E và bà Lâm Thị Bích P trả số tiền đã mua thức ăn nuôi tôm còn nợ là 1.337.062.000 đồng.

[5] Về nghĩa vụ trả tiền: Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình khởi kiện ông B có cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính văn bản "Chi tiết công nợ anh út E từ 01/5/2023 -29/9/2023 ao 1"; Bản chính văn bản "Chi tiết công nợ anh út E từ 23/9/2022-18/8/2023 ao 02", Bản chính văn bản "Chi tiết công nợ anh út E ao 03 từ 23/2/2023-19/9/2023 ao 3", bản chính văn bản "Biên bản xác nhận công nợ" đề ngày 10/6/2024 làm căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập, thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và xác định số tiền bị đơn ông Phạm Văn Út E còn nợ đối với ông B là 1.337.062.000 đồng.

Về trách nhiệm liên đới của bà Lâm Thị Bích P, nguyên đơn ông B có cung cấp 01 bản sao trích lục kết hôn giữa ông E và bà P kết hôn năm 1997, để chứng minh quan hệ hôn nhân hợp pháp của giữa ông E và bà P và hiện nay vẫn đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân này. Ông B cho rằng ông E mua thức ăn nuôi tôm nhằm phát triển kinh tế chung của hai vợ chồng ông E, bà P nhưng phía ông E, bà P đều không có ý kiến phản đối.

Từ những căn cứ trên nên có đủ cơ sở xác định hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Đối với các bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao Đơn khởi kiện, bản sao các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp và được triệu tập hợp lệ để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng các bị đơn ông E, bà P vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa. Vì vậy xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự nên cần buộc bị đơn ông Phạm Văn Út E và bà Lâm Thị Bích P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thái B số tiền 1.337.062.000 đồng là phù hợp.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 244; các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thái B đối với bị đơn ông Phạm Văn Út E và bà Lâm Thị Bích P. Buộc ông Phạm Văn Út E và bà Lâm Thị Bích P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thái B số tiền là 1.337.062.000 (một tỷ ba trăm ba mươi bảy triệu không trăm sáu mươi hai ngàn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Phạm Văn Út E và bà Lâm Thị Bích P có nghĩa vụ liên đới chịu 52.111.860 đồng.

Ông Nguyễn Thái B được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.056.000 đồng theo biên lai thu số 0003498 ngày 04/10/2024.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung